

Bản án số: 95/2020/HS-PT
Ngày: 11-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Lê Viết Hòa

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2020/HSPT ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Bùi Đức T, Lê Ngọc N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo có kháng cáo

1. Bùi Đức T (tên gọi khác: Bé Ba), sinh năm 1993 tại Bình Phước; Nơi cư trú: xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Đức P và bà Bùi Thị H; Vợ Đoàn Thị Thanh Tr; Con: chưa có; Tiền án: không, tiền sự: 01 (Ngày 28/10/2016 bị xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại quyết định số 215/QĐ-XPVPHC; Nhân thân: có 01 tiền sự như trên.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 04/6/2020 được tại ngoại.

2. Lê Ngọc N (tên gọi khác: Ninh Tắc Kè), sinh năm 1982 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Ngọc N (chết) và bà Lê Thị T; Vợ Đỗ Thị B; Có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 21/11/2008 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án hình sự sơ thẩm số 119/2008/HSST và bản án hình sự phúc thẩm số 11/2009/HSPT ngày 18/02/2009

Bị bắt tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 04/6/2020 được tại ngoại.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác, nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức T và Huỳnh Văn S có mối quan hệ quen biết, tháng 6 năm 2019, S vay của T số tiền 1.000.000 đồng. T nhiều lần liên lạc để đòi S trả tiền nhưng S không trả. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 5 năm 2020, T thấy S, Huỳnh Văn Q, Thạch Lâm N đứng trước cổng Công ty L thuộc Khu công nghiệp Becamex, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước thì T rủ Lê Ngọc N đến đòi tiền nợ S, N đồng ý. T lấy 01 chiếc đũa bằng gỗ, kích thước 17cm để làm hung khí rồi cùng N đi đến chỗ S đang đứng. Tại đây, T yêu cầu S lên xe của T để chở đi nơi khác nói chuyện về số tiền đã vay, nhưng S không đồng ý lên xe. S thấy T cầm chiếc đũa nên xông đến dùng tay giật chiếc đũa. Lúc này, Huỳnh Văn Q xông đến ôm vật T xuống đất. Thấy vậy, N chạy đến can ngăn thì bị S ôm vật xuống đất. Thấy đánh nhau, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T là bảo vệ Công ty can ngăn nhưng không được nên T dùng tay trái đánh trúng mặt của S 02 cái. Sau đó, nhóm của S và N không đánh nhau nữa. S bỏ đi về hướng cổng Công ty thì T chạy đến nắm tay S, N nắm cổ áo phía sau rồi cùng T bế tay S ra phía sau lưng, đưa S lại vị trí xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng đen biển số 93C1-099.00 của T. Do S không chịu đi nên N phụ T dùng tay đẩy lưng S ép lên xe mô tô. T điều khiển xe, S ngồi giữa và N ngồi sau cùng để giữ S. Thấy T và N không chế chở S đi, T điều khiển xe mô tô đi S. Tại lộ cao su thuộc ấp 12, xã M, huyện C, T và N yêu cầu S ngồi xuống gốc cây, tay đưa ra phía sau lưng. T dùng chân đạp 01 cái trúng vai của S, N dùng chân đá S 03 – 04 cái ở phía trước nhưng S đưa tay lên đỡ. S bị đánh nên ngồi im, không phản kháng.

T yêu cầu S gọi điện thoại cho người nhà để trả nợ thì S mượn điện thoại của T gọi điện thoại cho ông Huỳnh Văn V (cha của S). Khoảng 20 phút sau, ông Võ đến gặp T, N. Tại đây, N đi về Công ty trước để T nói chuyện với ông V về việc S có vay tiền của T 1.000.000 đồng từ tháng 9/2019 đến nay không trả. T yêu cầu ông V trả 50.000.000 đồng nhưng ông V không đồng ý. Trong lúc ông V và T đang thương lượng việc trả nợ cho S thì Công an xã M đến bắt người phạm tội quả tang. Khi về đến công ty, N làm việc được khoảng 15 phút thì Công an đến đưa N về trụ sở Công an huyện C làm việc.

Quá trình điều tra thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamha Sirius, màu đen-trắng, biển số 93C1-099.00 của Bùi Đình P; 01 chiếc đũa bằng gỗ, bị bể gãy 01 đầu, dài 13,5cm, đường kính 0,8cm, đầu bị bể gãy có chiều dài 3,5cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu đen của Bùi Đức T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của Lê Ngọc N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Đức T và Lê Ngọc N phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày

09/9/2020 được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 04/6/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2020 được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 04/6/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2020 các bị cáo Bùi Đức T, Lê Ngọc N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Bùi Đức T xin rút yêu cầu kháng cáo cho rằng hình phạt mà bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Bị cáo Lê Ngọc N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo Bùi Đức T xin rút yêu cầu kháng cáo là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T. Đối với bị cáo Lê Ngọc N, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo hình phạt tù là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước. Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Đức T xin rút yêu cầu kháng cáo, xét việc tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T.

[3] Đối với bị cáo Lê Ngọc N thừa nhận hành vi phạm tội cũng như tội danh mà Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do Huỳnh Văn S nợ tiền của Bùi Đức T nên ngày 29 tháng 5 năm 2020 Bùi Đức T đã rủ Lê Ngọc N gặp S để đòi nợ. Sau đó T và S đã dùng vũ lực bắt Huỳnh Văn S lên xe mô tô rồi chở đến lô cao su thuộc ấp 12, xã M, huyện C và đánh đập S để ép buộc S trả nợ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã cùng bị cáo T dùng vũ lực khống chế, bắt giữ người bị hại trái pháp luật, xâm phạm đến

quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Ngọc N, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, là lao động chính trong gia đình đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xem xét nhân thân của bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo bản án hình sự sơ thẩm số 119/2008/HSST và bản án hình sự phúc thẩm số 11/2009/HSPT ngày 18/02/2009 xử phạt bị cáo mức án 10 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do bị cáo Bùi Đức T rút kháng cáo nên không phải chịu. Bị cáo Lê Ngọc N phải chịu theo quy định pháp luật do kháng cáo của bị cáo Ninh không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Bùi Đức T.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc N phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2020 được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 04/6/2020.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Đức T không phải chịu. Bị cáo Lê Ngọc N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện C; (2)
- Chi cục THADS huyện C; (1)
- Công an huyện C; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam Công an tỉnh; (1)
- Bị cáo; (2)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh